

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2021/HNGĐ- ST
Ngày: 30/9/2021
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Mạnh Hùng.
2. Ông Nguyễn Trường Ca.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở TAND thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2021/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1964.

Nơi đăng ký HKTT: khu 1, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: số 87, phố C, khu 5, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1976.

Nơi ĐKKHKT: thị tứ L, xã L, thành phố C, tỉnh Hải Dương

Anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và chị T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày: anh và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 04/9/2019 tại UBND thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn một thời gian ngắn đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có thời gian tìm hiểu kỹ. Trước đây, anh và chị T đều đã có gia đình, có con riêng. Khi chung sống vợ

chồng không thể tìm được tiếng nói chung trong việc nuôi dưỡng con riêng của nhau cũng như bố trí về chỗ ở. Do không thông cảm được hoàn cảnh sống của nhau nên giữa vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Từ cuối tháng 9 năm 2019, chị T đã bỏ đi, không chung sống cùng anh nữa. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho ly hôn với chị T.

Về con chung: vợ chồng không có con chung nên anh H không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với công sức gia đình hai bên: vợ chồng không có nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho chị T. Căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của BLTTDS, Tòa án đã lập biên bản về việc không tổng đạt được và tiến hành thủ tục niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị T. Tuy nhiên chị T không đến Tòa án để có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của anh H.

Tại biên bản lấy lời khai, cháu Phạm Duy N là con riêng của chị T xác định: sau khi bố mẹ cháu ly hôn, cháu N ở với chị Trang tại huyện C, tỉnh Hải Dương. Tháng 6 năm 2021, cháu N về ở với bố đẻ là anh Phạm Văn H tại thôn A, xã L từ đó đến nay. Chị T vẫn thường xuyên điện thoại thăm hỏi nhưng cháu N không biết địa chỉ cụ thể của chị T mà chỉ biết chị T hiện đang làm việc ở tỉnh Bắc Ninh. Cháu N có thông báo cho chị T về việc Tòa án thụ lý vụ án và nội dung các giấy triệu tập của Tòa án nhưng chị T không về được, chị nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Trưởng thôn A, xã L xác định chị T có hộ khẩu tại xã L, thành phố C. Sau khi ly hôn với anh Phạm Văn H thì chị T không ở địa phương nữa nhưng thỉnh thoảng có về gặp gỡ anh em, bạn bè. Khoảng tháng 6 năm 2020, chị T có gặp ông hỏi về chính sách hỗ trợ cho người lao động bị khó khăn do dịch Covid-19. C cho biết hiện chị đang làm ở tỉnh Bắc Ninh, còn làm gì và ở địa chỉ nào cụ thể thì ông không nắm được. Chị T và anh H có 2 con, đều đang ở với anh H ở thôn A, xã L. Bố mẹ đẻ của chị T có hộ khẩu thường trú tại phường V, thành phố C nhưng theo thông tin ông biết thì bố mẹ đẻ của chị T cũng đã ly hôn.

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về

việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H

Về quan hệ hôn nhân: xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Vợ chồng không có nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Anh Nguyễn Văn H khởi kiện xin ly hôn với chị Nguyễn Thị T có địa chỉ thường trú tại xã L, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: anh H và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 04/9/2019 tại UBND thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Ngay sau khi kết hôn, vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do thời gian tìm hiểu ngắn nên khi về chung sống đã có nhiều bất đồng. Do trước khi kết hôn, cả hai anh chị đều có gia đình riêng và con riêng nên không thống nhất được việc nuôi dưỡng, chỗ ở của các con riêng. Cuối tháng 9 năm 2019, chị T đã bỏ đi và không chung sống với anh H. Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng không có nên Tòa án không xem xét

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có, anh Hoàng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Anh H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng mà anh H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0002975 ngày 27/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, anh H đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND thị trấn G, huyện G;
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hà